TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THỐT NỐT - TP. CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17.10.2018
V/v: "Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thanh Điền
- *Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Trần Thúy Kiên
2. Bà Nguyễn Thùy Linh
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa*: Ông Võ Long Hải - Kiểm sát viên.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Đoàn Thị Trung Thu - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 337/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2018 về việc: *"Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. <u>*Nguyên đơn*</u>: Chị **Nguyễn Thị Y** sinh năm 1973
HKTT: ấp C, xã D, huyện H, tỉnh G.
Chổ ở hiện nay: khu vực N, phường L, quận T, thành phố Cần Thơ.
2. <u>*Bị đơn*</u>: Anh **Nguyễn Văn T** sinh năm 1972
Trú tại: khu vực B, phường U, quận T, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 03.8.2018 và quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y trình bày:

Do tự nguyện quen biết và yêu thương nhau nên vào năm 1991, chị với anh Nguyễn Văn T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Sau khi cưới vợ chồng sống bên gia đình chồng tại vực B, phường U, quận T. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cải vả, không tin tưởng nhau nên từ cuối năm 2006 vợ chồng quyết định sống ly thân. Sau khi ly thân chị về sống tại nhà cha mẹ ruột thuộc ấp C,

xã D, huyện H, tỉnh G, còn anh Tấn sống tại khu vực B, phường U, quận T từ đó đến nay.

Quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Văn Y_1, sinh ngày 01.12.1993 và Nguyễn Văn Y_2, sinh ngày 08.5.1995, hiện các con đã trưởng thành và lao động bình thường, có khả năng nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn nên chị khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Nguyễn Văn T.

- *Về con chung*: Con chung đã trưởng thành, chị không đặt vấn đề nuôi con và cấp dưỡng con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: không có.

Tại tờ tự khai ngày 21.9.2018 và quá trình giải quyết vụ kiện, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh thống nhất nội dung trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y về hôn nhân, con chung, cũng như vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Cụ thể: vào năm 1991 anh và chị Y tự nguyện chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau thì xảy ra mâu thuẫn. Theo anh thì mâu thuẫn vợ chồng do tính tình không phù hợp và bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tin tưởng nhau mà thường hay cãi vã làm cho hạnh phúc gia đình bị đỗ vỡ không thể hàn gắn được. Từ năm 2006 vợ chồng chính thức ly thân nhau. Nay chị Y yêu cầu ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Y.

Thời gian chung sống anh chị có 02 con chung gồm Nguyễn Văn Y_1, sinh ngày 01.12.1993 và Nguyễn Văn Y_2, sinh ngày 08.5.1995 - đã trưởng thành, lao động bình thường và có khả năng nuôi sống bản thân. Anh thống nhất không đặt vấn đề nuôi con và cấp dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Do chị Y và anh T không đăng ký kết hôn nên Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân. Nhưng, có tổ chức hòa giải, đối chất và phân tích, giải thích theo quy định của pháp luật về vấn đề liên quan *(nếu có)* để các đương sự hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình và để tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề liên quan trong vụ kiện.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

./ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định;

./ Về nội dung: Do các đương sự không đăng ký kết hôn nên đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Chị Nguyễn Thị Y với anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1991, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị không hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên chị Y làm đơn xin ly hôn đối với anh T, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 8 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y và bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, các đương sự có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét quan hệ hôn nhân*: Quá trình giải quyết vụ án, chị Y và anh T thống nhất khai: anh chị chung sống từ năm 1991 được gia đình hai bên tác hợp, có tổ chức lễ cưới vào năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn - Điều này phù hợp với xác nhận của Ủy ban nhân dân xã D, huyện H, tỉnh G *(bút lục: 21)* nên có căn cứ xác định giữa chị Y với anh T không đăng ký kết hôn là sự thật.

Chị Y xin được ly hôn. Xét hôn nhân là tự nguyện, tiến bộ một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng với nhau. Ban đầu cả hai có ý chí xây dựng cuộc sống gia đình lâu dài nhưng quá trình chung sống anh chị chưa thật sự hiểu và thông cảm nhau, anh T thiếu quan tâm, chăm sóc vợ con nên khi xảy ra mâu thuẫn thì anh T không an ủi, cư xử đúng mực với chị Y nên từ năm 2006 anh chị sống ly thân nhau từ đó đến nay. Thời gian sống ly thân kéo dài nhưng chị Y và anhT không có biện pháp hàn gắn để trở về sum họp nên chị Y khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh T; qua yêu cầu ly hôn của chị Y thì anh T thống nhất đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế các đương sự đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay; suốt thời gian qua vợ chồng đã bỏ mặc, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy, tình cảm của anh chị đã thật sự rạn nứt nhưng vì anh chị không đăng ký kết hôn nên đã vi phạm khoản 1 điều 9, điều 14 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 nên không chấp nhận cho chị Y được ly hôn với anh T mà tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Y với anh Nguyễn Văn T là phù hợp.

[4] *Về con chung*: Các đương sự thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Văn Y_1, sinh ngày 01.12.1993 và Nguyễn Văn Y_2, sinh ngày 08.5.1995; Ngoài ra anh chị không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Do con chung đã trưởng thành, lao động bình thường nên các đương sự không đặt vấn đề nuôi con và cấp dưỡng con chung. Do đó Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 8 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 220, khoản 1 điều 228 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 điều 9, điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận chị Nguyễn Thị Y với anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. *Về con chung*: tên Nguyễn Văn Y_1, sinh ngày 01.12.1993 và Nguyễn Văn Y_2, sinh ngày 08.5.1995 - đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc không có tài sản chung và nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị Y phải nộp 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Y đã nộp theo phiếu thu số 004261 ngày 29.8.2018 được chuyển thành án phí. Chị Y đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Thốt Nốt;
- THA Q. Thốt Nốt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thanh Điền